TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/7/2022
V/v: "Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hoà;

2. Ông Hoàng Văn Ngân

Thư ký phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc kiện "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 100 đường S, tổ 13, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. "Vắng mặt"

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Mạnh Hùng - Luật sư, văn phòng luật sư Hùng Minh, đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. " Vắng mặt".

2. Bị đơn: Ông Phạm Xuân Đ - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Số nhà 100 đường S, tổ 13, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/1991 có Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Uyên, huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ) theo đúng quy định pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng

về tính cách, lối sống, trong việc nuôi dạy con cái, trong quá trình chung sống bà T còn bị ông Đ đánh đập và ông Đ còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay bà Nguyễn Thị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, bà T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Phạm Xuân Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hồng T, sinh ngày 24/9/1991 và cháu Phạm Lan H, sinh ngày 15/01/1994, hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Xuân Đ trình bày: Ông Phạm Xuân Đ và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào ngày 11/02/1991 có Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Uyên, huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ) theo đúng quy định pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng có sự hiểu lầm nhau, vợ chồng đã ra Toà án ly hôn, được Toà án hoà giải vợ chồng đã hoà giải chung sống từ đó đến nay không có mâu thuẫn gì. Đến nay ông Phạm Xuân Đ không biết lý do gì mà bà T xin ly hôn, ông Đ không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hồng T, sinh ngày 24/9/1991 và cháu Phạm Lan H, sinh ngày 15/01/1994 hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành.

Về tài sản: Ông Phạm Xuân Đ không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Phạm Xuân Đ, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Xuân Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại điều khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc "Ly hôn". Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Xuân Đ kết hôn vào ngày 11/02/1991 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Uyên, huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ), do vậy hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình thu thập chứng cứ xác định được vào tháng 8/2012 giữa vợ chồng bà T, ông Đ đã sảy ra mâu thuẫn bà T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với ông Đ nhưng lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng trong cuộc sống vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn vì vậy từ tháng 1/2022 bà Nguyễn Thị T đã đến ở nhờ nhà em gái tại tổ 3, phường Bình Minh vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Như vậy xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Vì vậy căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phạm Xuân Đ là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hồng T, sinh ngày 24/9/1991 và cháu Phạm Lan H, sinh ngày 15/01/1994, hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Xuân Đ không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Xuân Đ. Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Xuân Đ được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Xác nhận bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001342 ngày 18/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được trừ vào tiền án phí phải nộp.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm iết bản án

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Tuyết Lanh